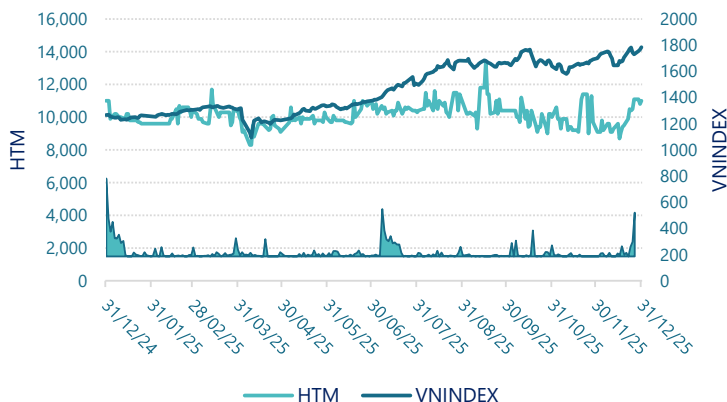




Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP (UPCOM: HTM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
SL cổ phiếu LH	219,958,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,555
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,420
P/E	-79.5
EPS	-138

DT thuần

Q4/25

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.00 | -1.6%

YoY: ▼279 | -72.8%

LN sau thuế

Q4/25

-17.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.60 | -75.2%

YoY: ▼11.5 | -186%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.2%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2025

445

tỷ VNĐ

YoY: ▼281 | -38.7%

LN sau thuế

2025

-33.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.70 | -20.6%

ROE

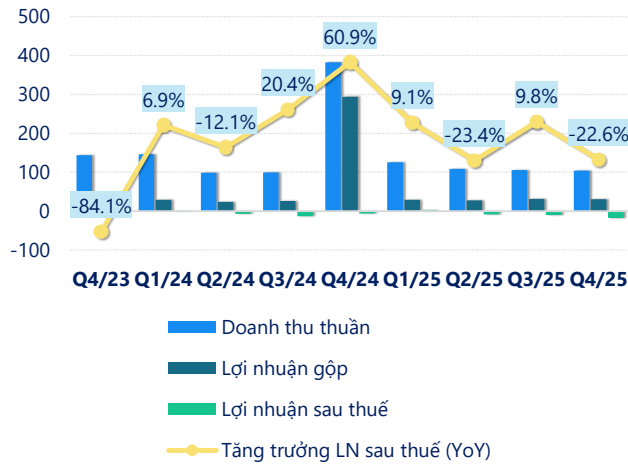
2025

-1.4%

+/- YoY: ▼ 0.3%

tỷ VNĐ

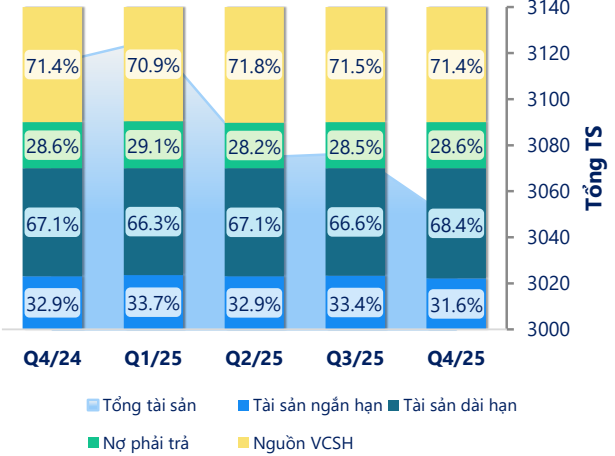
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

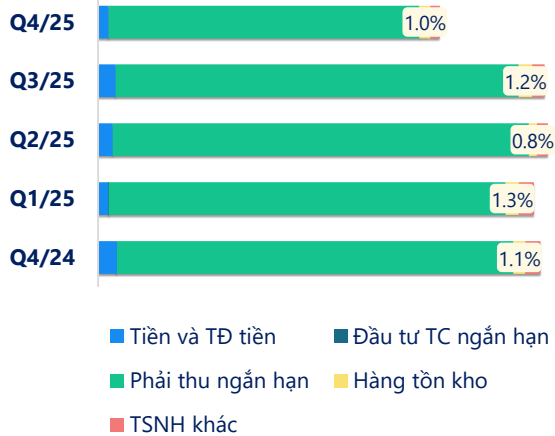
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



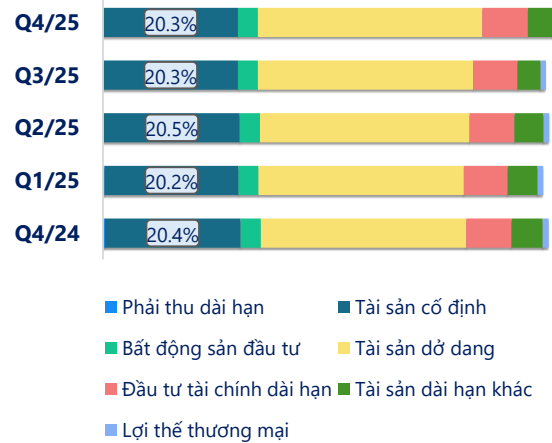
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

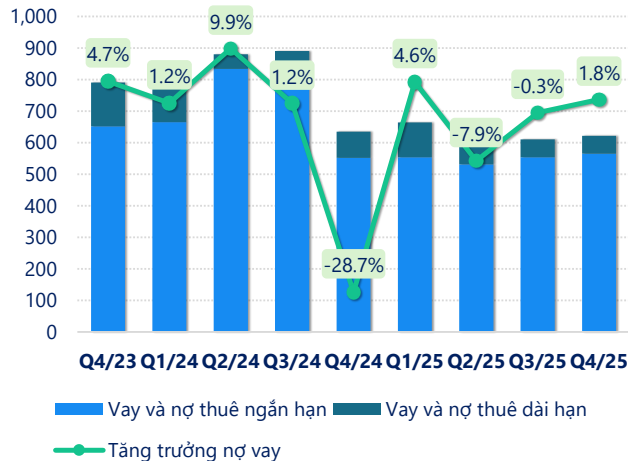
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

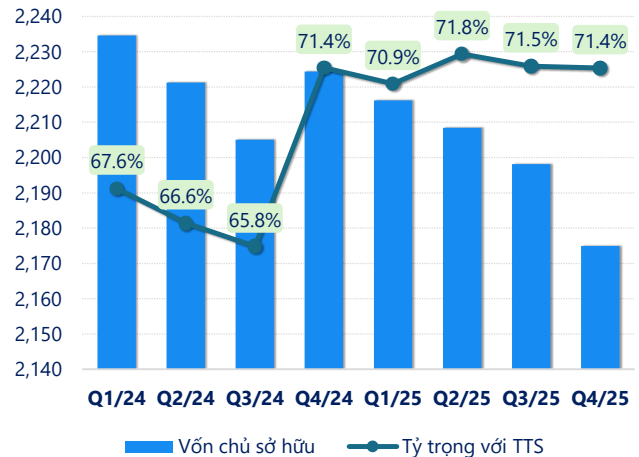
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

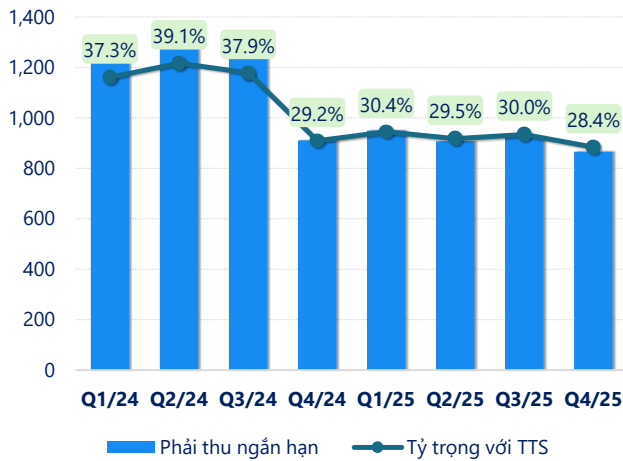
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

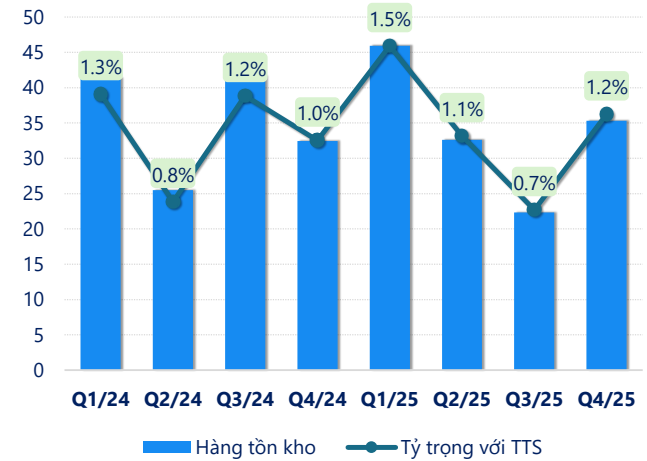
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

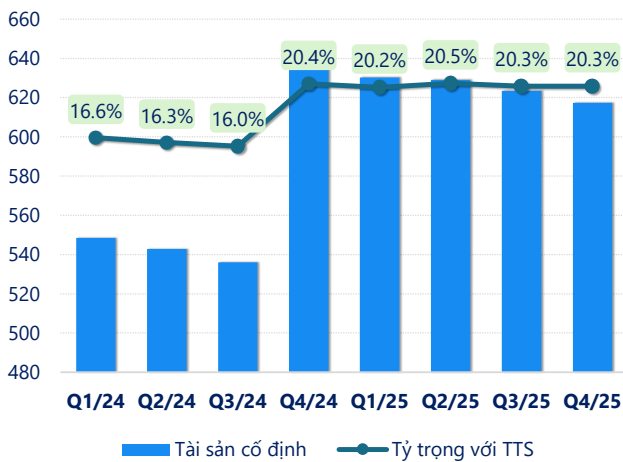
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

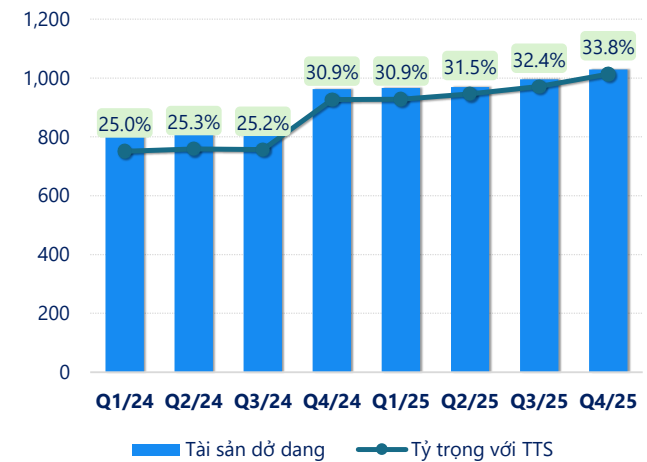
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

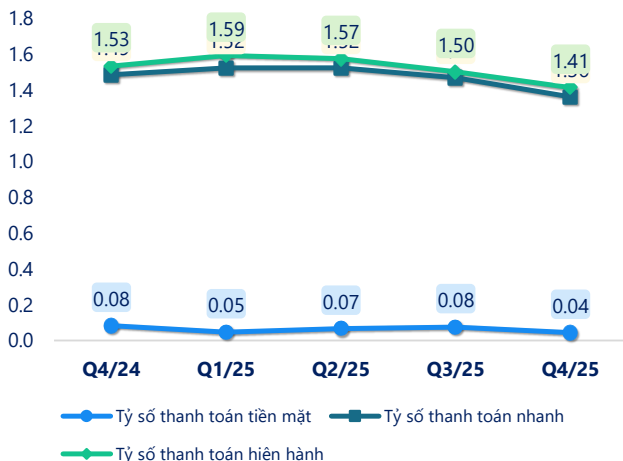
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



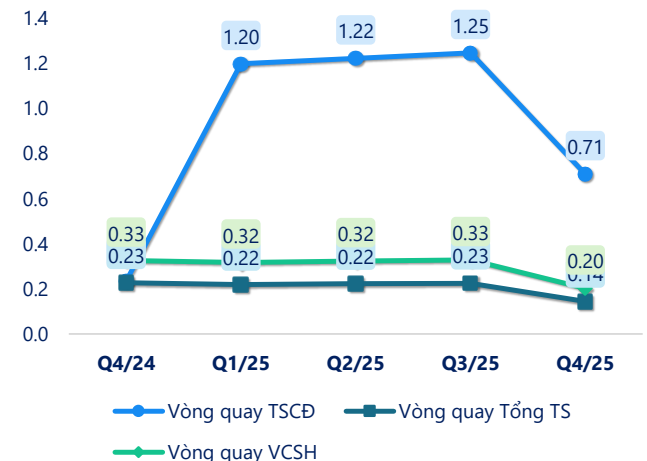
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	3,115	3,126	3,075	3,076	3,046
Tài sản ngắn hạn	1,026	1,055	1,011	1,026	963
Tiền và tương đương tiền	55.4	31.0	42.8	51.5	29.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0.30	0.30	1.30
Phải thu ngắn hạn	911	950	907	924	866
Hàng tồn kho	32.4	45.9	32.6	22.3	35.3
Tài sản ngắn hạn khác	27.8	27.8	27.9	27.8	30.3
Tài sản dài hạn	2,089	2,071	2,064	2,050	2,084
Phải thu dài hạn	8.73	7.39	3.96	1.93	1.81
Tài sản cố định	636	630	629	623	617
Bất động sản đầu tư	94.5	93.6	92.7	91.8	90.8
Tài sản dở dang	963	966	970	996	1,029
Đầu tư tài chính dài hạn	212	206	209	205	208
Tài sản dài hạn khác	146	141	134	108	113
Lợi thế thương mại	28.1	27.0	25.9	24.7	23.6
Nợ phải trả	891	910	866	878	872
Nợ ngắn hạn	669	662	642	683	681
Vay và nợ thuê ngắn hạn	551	554	531	554	565
Phải trả người bán ngắn hạn	4.49	18.3	19.0	10.6	17.7
Nợ dài hạn	222	248	224	195	191
Vay và nợ thuê dài hạn	83.4	110	80.4	56.4	56.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,224	2,216	2,208	2,198	2,175
Vốn chủ sở hữu	2,224	2,216	2,208	2,198	2,175
Vốn điều lệ	2,200	2,200	2,200	2,200	2,200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)